

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 285/2022/HSST

Ngày: 26-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trương Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Luận

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Minh Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Ông Hà Trọng Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 308/2022/HSST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2022/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn M (tức T), sinh năm 1990.**

Nơi ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: Số 71 D, phường Ph, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Đã chết); Có vợ là Bùi Thị H (Đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/01/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 08/02/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2021. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**2. Đàm Cảnh C, sinh năm 1984.**

Nơi ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: Số 29<sup>E</sup>/04 P, phường Ph, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Cảnh D, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1957; Có vợ là Nguyễn Thị T; Có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 27/7/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Môi giới mại dâm”; Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2021. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giam Công an

tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**3. Phạm Hồng H, sinh năm 1981.**

Nơi ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: Số 16 D, phường Ph, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Như L, sinh năm 1940 và bà Đồng Thị Q, sinh năm 1943; Có vợ là Mai Thị H; Có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2021. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**4. Phạm Văn T, sinh năm 1984.**

Nơi ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1959; Có vợ là Lê Thị L; Có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2021. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**5. Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.**

Nơi ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: Số 71 D, phường Ph, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Đã chết); Chưa có chồng, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2021. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**Bị hại:**

1. Anh Lê Văn V, sinh năm 1992 (Có đơn xin xử vắng mặt)
2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

HKT: Thôn 1, xã Quảng M, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đỗ Đăng S, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Núi 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/8/2020, anh Lê Văn V có bán cho Phạm Văn T 02 kie lan var có tên “Hồng Yên Thủy” dài 18cm với giá 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Đến đầu tháng 4 năm 2021, T thông báo lại cho anh V là 02 kie llan trên bị sai giống cây và yêu cầu anh V đền bù số tiền là 200.000.000đ tính theo giá thị trường cây tại thời điểm phát hiện sai cây. Do bản thân anh V cũng mua cây của người khác rồi bán lại nên xin T chỉ đền bù lại số tiền gốc là 70.000.000đ nhưng T không đồng ý. Ngày 09/4/2021, anh V đã chủ động chuyển vào tài khoản của vợ T là chị Lê Thị L số tiền 70.000.000đ. Do T không nói gì nên anh V có liên hệ và hẹn T gặp nhau nói chuyện.

Ngày 10/4/2021, C bảo với Ti để Cg đứng ra giải quyết cho. C về nói với em vợ là Nguyễn Văn M chuyện T bị bán sai kie lan var nhưng không bắt đền được và bảo M đứng ra giải quyết. Sau đó M và C thống nhất với T để nhóm M đứng ra giải quyết, nếu lấy được tiền sẽ chia đôi. M đã liên hệ với anh V yêu cầu bồi thường tiền lan.

Do lo sợ bị nhóm của M làm ảnh hưởng đến công việc làm ăn của gia đình nên ngày 22/6/2021, anh V và chị H đi xe máy đến nhà T để nói chuyện và xin giảm bớt tiền bồi thường. M yêu cầu anh T phải bồi thường số tiền 400.000.000đ. Anh V trình bày là người bị mua lừa 02 cây lan này nên xin giảm bớt số tiền trên. Sau nhiều lần van xin thì M đồng ý bớt dần số tiền phải trả xuống và chốt phải trả đủ 250.000.000đ, tính cả số tiền gốc 70.000.000đ anh V đã chuyển trả vào tài khoản của vợ T thì mới cho vợ chồng anh V về. Do không mang tiền nên anh V gọi điện cho anh Lê Xuân T, nhờ anh T nói chuyện với M xin cho về lo tiền. Sau khi nói chuyện với anh T thì M đồng ý cho vợ chồng anh V về và hẹn trong vòng 1 tuần phải mang số tiền 180.000.000đ lên trả cho M.

Khoảng 10h ngày 27/6/2022, vợ chồng anh V mang theo 125.000.000đ lên thành phố Thanh Hóa rồi gọi điện cho M thì M hẹn đến quán Cafe Đ. Vợ chồng anh V đến quán cafe được khoảng 5 phút thì M đi xe máy đến. Sau đó lần lượt là C, T, Nguyễn Thị H, Phạm Hồng H đến quán ngồi uống nước. Tại đây, cả nhóm ngồi nói chuyện với vợ chồng anh V về việc đền tiền bán sai cây lan; anh V nói chỉ lo được số tiền 125.000.000đ thì M, T và Cườ không đồng ý. M chửi bới và đe dọa phải đưa đủ số tiền 180.000.000đ nếu không thì không cho 2 vợ chồng anh V về. Do lo sợ nên anh V quỳ xuống xin M và T nhưng M không đồng ý. C đứng dậy dùng tay tát vào mặt anh V 1 phát, H cũng chạy lại dùng chiếc ghế có khung bằng kim loại bọc nhựa của quán đập 1 phát vào tay anh V. Anh V tiếp tục xin nhưng M, C và T không cho mà yêu cầu anh V phải viết giấy nợ số tiền còn thiếu 55.000.000đ nhưng anh V không viết.

Lúc này Nguyễn Thị H bảo Phạm Hồng H xin giấy bút của quán cho anh V viết. H vào xin giấy bút nhưng không có nên đi ra quán tạp hóa mua 01 quyển sổ và 01 cái bút vào để lên bàn. H nói với anh V “Em viết đi, không lấy lãi đâu, tháng nào có thì trả nhiều, không có thì trả ít”. Anh V không viết và tiếp tục xin thì T có nói với anh V về việc anh V còn cổ phần 30.000.000đ trong 01 cây lan var có tên “Hồng Minh Châu” gửi tại vườn của anh Đỗ Đăng S và yêu cầu anh V phải chuyển nhượng lại cổ phần cây lan đó cho T thì H nói “Thế cũng được, để chị nói với M lấy cái cây này 30.000.000đ nữa là xong, chị là chị của M, chị nói nó được”. Sợ bị đánh tiếp nên anh V đồng ý, lúc này chị H vợ anh V lấy số tiền 125.000.000đ từ cốp xe máy ra đưa cho T. C đếm đủ tiền nên bỏ vào 01 túi nilong màu đen rồi để trên bàn.

Sau đó H điều khiển xe ô tô BKS 36A-413.59 của Nguyễn Thị H chở T, C cùng anh V đến vườn lan của anh Đỗ Đăng S để xem cây lan. Còn chị H ngồi ở quán cafe cùng với M và H. Sau khi xem cây, T yêu cầu anh V viết giấy chuyển nhượng

cổ phần cây lan cho Tiên. Trên đường quay về quán cafe thì H nói với anh V “Em yên tâm, như thế này là xong, chị là chị của M, chị nói thì M phải nghe”.

Về đến quán cafe Đ thì nhóm của M mới cho vợ chồng anh V về. Sau đó T lấy túi tiền 125.000.000đ để trên bàn bỏ vào cốp xe máy của T rồi cùng H, M, C về nhà M.

Số tiền lấy được của vợ chồng anh V, T đưa cho M 85.000.000. Đối với cổ phần 30.000.000đ trong cây lan var “Hong Minh Châu”, T và C thỏa thuận chia đôi.

Đối với chiếc xe ô tô BKS 36A-413.59 là xe của Nguyễn Thị H mua dưới hình thức trả góp của Ngân hàng TMCP Bảo Việt-Chi nhánh Thanh Hóa. Việc H dùng xe để làm gì, đi đâu ngân hàng không biết. Sau khi H bị bắt, chiếc xe này ai quản lý H không biết. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với cây lan var “Hong Minh Châu” mà anh V có cổ phần 30.000.000đ với anh Đỗ Đăng S, đây là vật chứng của vụ án. Cơ quan điều tra đã thông báo trả lại cổ phần cho anh V, sau đó anh V đã bán lại cổ phần này cho anh S. Ngày 15/01/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cây lan này cho anh Đỗ Đăng S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình Phạm Văn T, Đàm Cảnh C và Nguyễn Văn M đã trả lại cho vợ chồng anh Lê Văn V toàn bộ số tiền 125.000.000đ. Anh V, chị H không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì về phần dân sự.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị H chưa khai báo thành khẩn.

Tại cáo trạng số 188A/CT-VKS, ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H về tội “Cướp tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

#### ***Tại phiên tòa hôm nay***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Cảnh C.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Hồng H.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn M mức án từ 09 năm đến 10 năm tù.
- Bị cáo Đàm Cảnh C mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” của bản án hình sự sơ thẩm số 270/2021/HS-ST ngày 27/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.
- Bị cáo Phạm Hồng H mức án từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.
- Bị cáo Phạm Văn T mức án từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù.
- Bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù.

Và đề nghị xử lý vật chứng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thị H không thừa nhận hành vi của mình nhưng lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận:

Khoảng 10 giờ ngày 27/6/2021, tại quán Cafe Đăng ở số 50 Phú Thù, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tổ Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H đã dùng vũ lực tấn công và chiếm đoạt của anh Lê Văn V và chị Lê Thị H tiền và tài sản có tổng giá trị 155.000.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã trực tiếp dùng vũ lực, đe dọa, uy hiếp tinh thần làm bị hại sợ hãi không dám chống cự nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự táo bạo, gây mất trật tự trị

an, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đàm Cảnh C, phạm tội trong thời gian thử thách nên áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” của Bản án hình sự sơ thẩm số 270/2021/HS-ST ngày 27/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm đơn giản, các bị cáo không có sự chuẩn bị, phân công nhiệm vụ nhưng tham gia tích cực. Bị cáo M có vai trò chính, bị cáo C và H có vai trò ngang nhau thứ hai trong vụ án. Bị cáo T và H không trực tiếp đánh bị hại nên có vai trò thấp hơn. Do đó cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đàm Cảnh C có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C và Phạm Văn T đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn T có vợ đang mắc bệnh tim (Có bệnh án), bản thân bị cáo hiện đang có trách nhiệm thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Thanh X (Có xác nhận của UBND xã) và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; Bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Hồng H, Nguyễn Thị H có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến. Do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo - Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về phần dân sự: Phần bồi thường đã được giải quyết xong, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố:

Các bị cáo: Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Cảnh C.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Hồng H.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn M 09 (Chín) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2021.

- Bị cáo Đàm Cảnh C 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù; Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” của bản án hình sự sơ thẩm số 270/2021/HS-ST ngày 27/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2021.

- Bị cáo Phạm Hồng H 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2021.

- Bị cáo Phạm Văn T 08 (Tám) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2021.

- Bị cáo Nguyễn Thị H 08 (Tám) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2021.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 21; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 362 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Đàm Cảnh C, Phạm Văn T, Phạm Hồng H và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Đã ký***

**Trương Thị Anh**